

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 9 - 2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Nhân;
2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 01a, thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Tạ Ngọc B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 100b, thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị T và ông Tạ Ngọc B vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2022, bản trình bày ngày 16/8/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tạ Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Tư Nghĩa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, về nhà gây gỗ đánh đập vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên giải

để đảm bảo hạnh phúc vợ chồng nhưng ông B không thay đổi. Vợ chồng bà sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Tạ Ngọc B.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung trên 18 tuổi là Tạ Ngọc Bảo Tr sinh ngày 04/9/1991. Khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà T không có yêu cầu khác.

** Tại bản trình bày ngày 16/8/2022, bị đơn ông Tạ Ngọc B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S vào năm 2008. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn và dẫn đến việc bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông không có ý kiến gì, do vợ ông là bà Nguyễn Thị T quyết định.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông có 01 người con cháu Tạ Ngọc Bảo Tr sinh ngày 04/9/1991, hiện nay con đã trên 18 tuổi đã có gia đình riêng, ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông B trình bày vợ chồng ông không có tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra ông B không có yêu cầu khác.

** Tại biên bản xác minh ngày 25/7/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:* Bà Nguyễn Thị T và ông Tạ Ngọc B có đăng ký kết hôn số 16 quyền số 01 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thị trấn S cấp giấy chứng nhận ngày 14/02/2008. Quá trình sinh sống bà T và ông B có 01 con chung là Tạ Ngọc Bảo Tr sinh ngày 04/9/1991 hiện nay đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, nuôi sống bản thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ thị trấn S, huyện Tư Nghĩa cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa bà T và ông B vì không nghe bà T hay ông B báo về mâu thuẫn, hay có đơn thư nhờ Hội can thiệp giải quyết mâu thuẫn.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Tạ Ngọc B. Về con chung đã trưởng thành và tài sản chung không có, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn yêu cầu không hòa giải và xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung:

[3.1] Bà Nguyễn Thị T và ông Tạ Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Tư Nghĩa và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, không cùng nhau thực hiện xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì ông B vắng mặt. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được ly hôn với ông B.

[3.3] Về con chung: Con chung Tạ Ngọc Bảo Tr sinh ngày 04/9/1991. Thời điểm xét xử chị Tr đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, Hội đồng xét xử không nhận định.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng hành dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Tạ Ngọc B.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003110 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND thị trấn S; huyện Tư Nghĩa;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

